**KẾ HOẠCH BÀI DẠY – NGỮ VĂN 7 – CÁNH DIỀU**

**BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**

**Thực hành đọc hiểu**

**BỤNG VÀ RĂNG, MIỆNG, TAY, CHÂN**

(Truyện ngụ ngôn)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của truyện ngụ ngôn

**2*.* Về phẩm chất*:***

Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để  
làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Em đã từng ghen tị, so bì với người khác chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện ấy (nếu có)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 1 -2 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian của truyện ngụ ngôn).

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Từ thông điệp, tự rút ra bài học, có thể mở rộng những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đọc mẫu, đọc sáng tạo để hướng dẫn HS đọc văn bản; sử dụng KT đặt câu hỏi, khăn phủ bàn để tìm hiểu nội dung văn bản.

**HS** dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời những câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Tìm hiểu chung** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **1. Đọc – tóm tắt**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Yêu cầu HS sắp xếp theo đúng trình tự diễn ra trong truyện rồi kể tóm tắt.  **2. Tìm hiểu chung**  GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết thể loại, ngôi kể, nhân vật , bố cục.  Phiếu học tập số 1   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đề tài, thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | |  |  |  |  |   **Phiếu học tập số 2:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi; sắp xếp theo cốt truyện.  2. Trả lời câu hỏi theo PHT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Kể tóm tắt truyện, trả lời các câu hỏi trong PHT.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | I. Tìm hiểu chung   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | | truyện ngụ ngôn | ngôi thứ ba | Răng, Miệng, Tay, Chân, Bụng | 3 phần  + P1 (từ đầu ... *thấy là*.): Hành động của Răng, Miệng, Chân, Tay  + P2 (tiếp ... *phút nào*.): Kết quả của hành động  + P3 (Còn lại): Quyết định của Răng, Miệng, Tay, Chân | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hành động của các nhân vật**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hoàn thành phiếu học tập số 3  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Đọc thầm đoạn 1 để tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng |  | | Miệng |  | | Tay |  | | Chân |  | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1.Hành động của Răng, Miệng, Tay, Chân và kết quả của hành động**   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng không nhai. |  | | Miệng không ăn | Miệng khô, đắng ngắt cả ngày. | | Tay không gắp thịt. | Đôi Tay oặt ẹo | | Chân | Chân không đi nổi. | | => Các bộ phận quyết định không làm gì nữa. | => Tất cả các bộ phận cảm thấy rã rời, mệt mỏi, không thể làm gì được.  - Các bộ phận nhận ra vai trò của Bụng: Bụng cũng làm việc để tiêu hóa thức ăn, đem lại năng lượng cho cơ thể.  => Các bộ phận quyết định: cùng chung sức đoàn kết, ghen tị chỉ làm cơ thể rã rời, không đem lại lợi ích gì. | | |
| **Nhiệm vụ 2: Bài học được rút ra từ câu chuyện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Theo em có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Ta, Chân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ, trao đổi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi; HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức | **2. Bài học**  - Mỗi người đều có một vai trò, ý nghĩa riêng. Vì vậy, mỗi người cần cố gắng làm tốt bổn phận, nghĩa vụ của bản thân mình.  - Không nên ganh tị, so bì với người khác.  - Trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh. | |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn  
ngắn từ một nội dung của truyện.

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Luyện tập đọc hiểu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần tri thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn khác đã học?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động theo cặp  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | \* Giống:  - Mượn chuyện về đồ vật, loài vật, cây cỏ,…để gián tiếp nói chuyện con người, nêu lên triết lý nhân sinh và những bài học kinh nghiệm về cuộc sống.  \* Khác:  - Được kể bằng văn vần.  - Thay vì dùng hình ảnh con vật, câu chuyện lấy nhân vật là các bộ phận trên cơ thể người để nêu lên bài học về lòng đoàn kết. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Liên hệ với truyện ngụ ngôn khác

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Tìm đọc truyện ngụ ngôn Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng của Việt Nam, so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê- dốp và nêu nhận xét của em?  **B2: HSThực hiện nhiệm vụ** ở nhà |  |

**Thực hành đọc hiểu**

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG**

**VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của tục ngữ

- Biết vận dụng tục ngữ trong đời sống

**2*.* Về phẩm chất*:***

Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| 1. Chuyển giao nhiệm vụ  - Nhiệm vụ: Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan - Phương án thực hiện:  + Thực hiện trò chơi “Đố vui”  + Luật chơi: Mỗi đội có 8 hs tham gia trong vòng 30 giây các đội lần lượt đọc các câu tục ngữ theo hình ảnh gợi ý  - Thời gian: 5 phút  - Sản phẩm: Các câu tục ngữ  2. Thực hiện nhiệm vụ:  \* Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:  + lập đội chơi  + chuẩn bị tinh thần thi đấu  + thực hiện trò chơi theo đúng luật  \* Giáo viên:  - Tổ chức cho hs chơi trò chơi  - Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh  3. Báo cáo kết quả:  - Học sinh mỗi đội thống kê và báo cáo số lượng câu tục ngữ đã đọc được trong thời gian quy định  4. Nhận xét, đánh giá:  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Giáo viên nhận xét, đánh giá:  + tinh thần, ý thức hoạt động học tập  + kết quả làm việc  + bổ sung thêm nội dung (nếu cần) | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS |

**2. HĐ 2: Thực hành đọc hiểu**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của tục ngữ

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đọc mẫu, đọc sáng tạo để hướng dẫn HS đọc văn bản; sử dụng KT đặt câu hỏi, khăn phủ bàn để tìm hiểu nội dung văn bản.

**HS** dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời những câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ và PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **I.Tìm hiểu chung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV Hướng dẫn HS cách đọc  ? Có thể chia các câu tục ngữ trong văn bản thành mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**Đọc văn bản, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo, HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái học tập và sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | I. Tìm hiểu chung  - Nhóm tục ngữ về thiên nhiên và lao động  - Nhóm tực ngữ về con người, xã hội |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Chia lớp thành các nhóm nhỏ để tìm hiểu ý nghĩa của các câu tục ngữ, hoàn thành phiếu học tập  (Các nhóm có thể lựa chọn các câu tục ngữ để trình bày )   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1.Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ | | |  | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | | Tục ngữ về TN, LĐ |  |  | | | Tục ngữ về con người, xã hội |  |  | | | 2.Những câu tục ngữ có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?  ……………………………………… | | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thảo luận theo nhóm, hoàn thiện phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Đại diện nhóm** trả lời câu hỏi; nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét phần trình bày của các nhóm  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên, lao động**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 1 | gieo vần lưng | Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng giống màu mỡ gà tức là trời sắp có bão, người dân cần chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, tài sản. | | Câu 4 | điệp ngữ, vần lưng | Người đi đánh bắt tôm cá muốn bắt được nhiều tôm thì nên đi vào lúc chập tối; muốn bắt được nhiều cá nên đi câu vào lúc hửng sáng. | | Dựa vào nội dung các câu tục ngữ, nhân dân có thể đoán được thời tiết, biết cách lao động, sản xuẩt | | |   **2. Tục ngữ về con người, xã hội**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Câu 5 | Ẩn dụ, đối | Khó khăn về vật chất vẫn phải sống trong sạch, thiện lương. | | Câu 8 | Ẩn dụ | Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người có công xây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình. | | Những câu tục ngữ về con người, xã hội là bài học về phẩm chất đạo đức, lối sống để từ đó, con người hoàn thiện bản thân hơn. | | | |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu**:củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

**b. Nội dung***:* HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Theo em, vì sao nói: Tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động theo cặp  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. | Vì tục ngữ được đúc rút ra từ sự từng trải, những kinh nghiệm từ thực tế cuộc sống của nhân dân. Trải qua nhiều quá trình, sự lặp đi lặp lại của tự nhiện, xã hội, nhân dân ta đã đúc kết nó thành những kinh nghiệm quý báu không chỉ phục vụ cho sản xuất mà còn phục vụ cho cả xã hội. Vì vậy, tục ngữ chính là kho tàng trí tuệ của nhân dân. |

**4. HĐ 4: Hoạt động vận dụng, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Liên hệ với bản thân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Giao nhiệm vụ:** Nêu một số câu tục ngữ em thấy có ích với cuộc sống của chính mình?  **B2: HS Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS suy nghĩ và trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi 3- 4 hs chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB. |  |

\*\*\*